

Bản án số: 209/2024/HS-PT

Ngày: 05-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thương Huyền

Bà Phạm Uyên Thy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Đăng Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo Trần Hà Anh T, Nguyễn Thị Huyền A do có kháng cáo của các bị cáo T và A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2024/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Hà Anh T, Sinh ngày 05/3/1992 tại B Thuận Thường trú: Khu phố E, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Ở: 84/31/8 B, Phường A, quận G, T nghiệp: Trưởng phòng chi nhánh Công ty L3 Trẻ tại T độ văn hóa: 12/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh V bà Hà Thị Xuân, Bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn U và 01 con sinh ngày 11/10/2023 Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại Có mặt.

2. Nguyễn Thị Huyền A, Sinh ngày 27/11/1993 B Phước Thường trú: xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ở: 533/18/2 P, Phường A, quận T, T nghiệp: Nhân viên chi nhánh Công ty L3 tại T độ văn hóa: 12/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Anh H1 bà Phạm Thị T1 Phương Bị cáo có chồng tên Nguyễn Hoài N và 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh ngày 04/12/2023 Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại Có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Hoàng Ngọc M, sinh ngày 10/10/1981 tại Hà Tĩnh; Thường trú: 17.09 Tòa nhà CT4 V, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Giám đốc Chi nhánh Công ty L3 “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị A1 (đã chết); Bị cáo có vợ tên Lương Thị Thanh T2 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2023 – Có mặt.

2. Trần Phát Đ, sinh ngày 30/5/2003 tại An Giang; Thường trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; Chỗ ở: H tổ B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên Chi nhánh Công ty L3 “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc M1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2023 – Có mặt.

3. Lê Thị T3 (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc H2), sinh ngày 30/11/1998 tại Quảng Ngãi Thường trú: Xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: 8 D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên Chi nhánh Công ty L3 “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị Q; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2023 – Có mặt.

4. Phạm Ngọc T4, sinh ngày 02/10/1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 453/48/3 L, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Trưởng nhóm thu hồi nợ Chi nhánh Công ty luật TNHH “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc T5 (đã chết) và bà Lâm Xuân H3; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2023 – Có mặt.

5. Nguyễn Thị Hương T6, sinh ngày 20/4/1994 tại Hà Tĩnh; Thường trú: Xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở: A L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Trưởng nhóm Chi nhánh Công ty luật TNHH “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T7 và

bà Lê Thị T8; Bị cáo có chồng tên Hồ Huy Đ1 và 01 con sinh ngày 02/01/2024; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

- *Người bào chữa:*

1) ông Đặng Trường T9 và bà Đặng Thị Bích N1 là luật sư của Văn phòng luật sư Đặng Trường T9 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Trần Hà Anh T.

2) ông Trịnh Hữu T10 là luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Huyền A

- *Bị hại:*

1) Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1982.

Trú tại: Ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2) Bà **K' H4**, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng– Vắng mặt.

3) Bà **Trần Khánh V1**, sinh năm 1983.

Trú tại: 7 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh– Vắng mặt.

4) Ông **Nguyễn Đào Anh M2**, sinh năm 1989.

Trú tại: B Đường G, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh– Vắng mặt.

5) Ông **Phan Hải B1**, sinh năm 1994.

Trú tại: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh– Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/3/2023, ông Lê Văn K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T trình báo sự việc bị nhân viên Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn “Thế Hệ Trẻ” (viết tắt là Công ty luật “Thế Hệ Trẻ”) có hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Quá trình điều tra xác định Công ty L3 do Hoàng Anh T11 thành lập, đứng tên Giám đốc, hoạt động về lĩnh vực tư vấn luật. Khoảng đầu tháng 11/2020, Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” được cấp phép hoạt động tại địa chỉ số G, ngách H, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội (hiện nay đổi sang địa chỉ mới: Tầng G Chung cư S, số A, phố M, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội). Ngày 01/12/2020, Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” được cấp giấy phép thành lập chi nhánh tại địa chỉ số C P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày

22/12/2020, T11 bổ nhiệm Hoàng Ngọc M (em ruột T11) làm giám đốc điều hành Công ty, đồng thời lập văn bản ủy quyền số 02 cho Hoàng Ngọc M quản lý, điều hành, quyết định toàn bộ hoạt động của Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” và Chi nhánh Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình hoạt động Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh thực tế thực hiện dịch vụ thu hồi nợ cho các ngân hàng đối với các khoản nợ quá hạn của khách hàng dưới danh nghĩa Công ty luật “Thế Hệ T12” ký hợp đồng cung cấp dịch vụ pháp lý cho ngân hàng, không đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh. Mến ban hành quy trình thu tiền nợ của khách hàng và các mẫu văn bản (thông báo nợ, thư cảnh báo, thông báo khởi kiện, công văn xác minh công tác) gửi đến nơi ở và nơi làm việc khách hàng nhằm mục đích gây áp lực làm cho khách hàng, uy hiếp tinh thần để khách hàng lo sợ phải trả nợ cho ngân hàng. Ngoài ra, M còn gửi văn bản “Một số lưu ý khi triển khai tác nghiệp” cho Trần Hà Anh T phổ biến cho các nhân viên tại chi nhánh Thành phố H biết và thực hiện.

Cơ cấu tổ chức tại Chi nhánh Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Giám đốc điều hành là Hoàng Ngọc M; Trưởng phòng thu hồi nợ là Trần Hà A T thực hiện nhiệm vụ: Quản lý 03 nhóm thu hồi nợ; Tiếp nhận dữ liệu các khách hàng có khoản vay ngân hàng nợ quá hạn từ trụ sở chính Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hà Nội, sau đó phân chia dữ liệu cho từng nhân viên trong các nhóm thu hồi nợ để thực hiện nhiệm vụ đòi nợ cho Ngân hàng.

Nhóm thu hồi nợ thứ I: Phạm Ngọc T13 làm Trưởng nhóm và 09 nhân viên gồm: Phạm Như Q1, Trần Phát Đ, Đào Thị D, Trần Thị H5, Đào Thị Hà T14, Lê Thị Kiều Q2, Nguyễn Thị Cẩm G, Trần Minh T15, Nguyễn Thị Ngọc D1.

Nhóm thu hồi nợ thứ II: Nguyễn Thị Hương T6 làm Trưởng nhóm và 09 nhân viên gồm: Hoàng Văn H6, Lê Thị T3, Trần Thị Bích Q3, Bùi Lê V2, Nguyễn Thị Huyền A, Lâm Tùng E, Tô Thị Trường N2, Nguyễn Hoàng N3, Lý Nguyễn Phước .

Nhóm thu hồi nợ thứ III: Do chưa có Trưởng nhóm nên Trần Hà Anh T (Trưởng phòng) quản lý trực tiếp gồm 05 nhân viên: Nguyễn Thị C2, Thạch T18, Hồ Thị Y, Nguyễn Thị Mỹ L, Phan Đình C3.

Ngoài ra còn có Tổ văn phòng gồm Hoàng Thị Thu T19, Nguyễn Thị Ngọc A4 có nhiệm vụ: Chăm công ngày làm việc của từng nhân viên trong công ty để tính lương; cung cấp thiết bị văn phòng cho nhân viên, lưu trữ hồ sơ nhân viên; đăng tin tuyển dụng nhân viên cho công ty, nhận hồ sơ xin việc và tham gia

phỏng vấn tuyển dụng nhân viên cùng với Lãnh đạo công ty, Trưởng phòng và các Trưởng nhóm.

Phương thức hoạt động của Công ty luật “Thế Hệ T12” và chi nhánh: Công ty nhận ủy quyền của các Ngân hàng TMCP T25 (T26), Ngân hàng TMCP V4 (V5), Ngân hàng TMCP Đ6 (S1), Ngân hàng TMCP B3 (L4), Ngân hàng TMCP H12 (M7), Công ty TNHH C4,... với nội dung ủy quyền cho Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” (đại diện là Hoàng Ngọc M – Giám đốc điều hành) tiếp xúc, đàm phán, thương lượng với các khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán với bên ủy quyền để yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, theo quy định của pháp luật.

Công ty luật “Thế Hệ T12” và chi nhánh tuyển nhân viên vào làm có ký hợp đồng lao động với nội dung công việc là gọi điện thoại, nhắn tin cho các khách hàng nợ tiền ngân hàng để yêu cầu khách hàng trả tiền cho ngân hàng, ngoài tiền lương và phụ cấp thì khi thu hồi được các khoản nợ cho ngân hàng các nhân viên được thêm tiền thưởng theo doanh số với tỉ lệ tăng dần theo số tiền thu hồi được với 140.000.000 đồng tính là đạt chỉ tiêu 100% trong 01 tháng.

Định kỳ hàng tháng, các Ngân hàng gửi dữ liệu khách hàng có nợ quá hạn cho Hoàng Thị M4 là Trưởng Phòng Kế toán tổng hợp của trụ sở chính Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hà Nội, sau đó M4 gửi mail cho Trần Hà Anh T file excel danh sách các khách hàng cần thu hồi nợ của chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (dữ liệu trong danh sách này gồm các thông tin của khách hàng như: tên, ngày tháng năm sinh, mã CIF (mã số định danh của khách hàng tại ngân hàng), số điện thoại, địa chỉ nơi ở, nơi làm việc, CMND/CCCD, số tiền đã vay, dư nợ gốc, lãi, ngày giải ngân, ngân hàng nơi vay, số tài khoản), tiếp đó T20 phân chia dữ liệu khách hàng gửi vào nhóm Z “HCM BEST TÍN CHẤP THT” để các nhân viên tại chi nhánh tải xuống thực hiện (trung bình mỗi nhân viên phụ trách từ 600 - 700 khách hàng trong vòng 4 tháng). Trong nhóm Zalo này, T20 cũng là người truyền đạt thông tin từ công ty chính ở Hà Nội cho mọi người ở chi nhánh Thành phố H. Trường hợp có khách hàng nhắn tin vào số của chi nhánh Thành phố H thì T20 cũng thông tin lên nhóm zalo này để xác định khách hàng của ai, từ đó nhân viên phụ trách chủ động tiếp tục liên lạc với khách. Giữa M4, T20 thường xuyên gửi file qua mail để đối chiếu danh sách nhằm phục vụ việc tính toán tiền lương, tiền thưởng cho nhân viên khi đòi nợ được khách hàng.

Tại Chi nhánh Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” mỗi nhân viên được giao cố định 01 vị trí làm việc và 01 máy tính, sau khi lấy file excel chứa dữ liệu khách hàng

mà T20 gửi lên nhóm zalo nói trên thì các nhân viên tiến hành điền thông tin khách hàng vào mẫu “Thông báo đại diện ngân hàng giải quyết các nội dung liên quan đến Hợp đồng tín dụng” (gọi tắt là Thông báo nợ) với nội dung thông báo số tiền nợ và mời khách hàng đến Chi nhánh Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại địa chỉ số C P, Phường A, quận T rồi in ra đưa xuống Tổ Văn phòng đóng dấu chữ ký Giám đốc Hoàng Ngọc M và đóng dấu Công ty luật “Thế Hệ Trẻ”. Sau đó, các nhân viên gửi Thông báo nợ này đến khách hàng theo địa chỉ trong file danh sách.

Sau khi gửi Thông báo nợ xong nhân viên sử dụng phần mềm “3CXPhone” đã được cài sẵn trên máy tính bấm số điện thoại gọi cho khách hàng (mỗi nhân viên có 01 mã số ID riêng). Sau 01 tuần kể từ khi gửi Thông báo nợ cho khách hàng, nhân viên điền thông tin khách hàng trong file danh sách vào mẫu “Thư cảnh báo” với nội dung cảnh báo khách hàng nếu không trả khoản nợ thì sẽ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” rồi in ra đưa T16 nhóm duyệt, ký nháy rồi đưa xuống Tổ Văn phòng đóng dấu chữ ký Giám đốc Hoàng Ngọc M, nhân viên gửi thư cảnh báo này đến địa chỉ của khách hàng.

Sau 01 tuần kể từ ngày gửi Thư cảnh báo, nhân viên điền thông tin khách hàng trong file danh sách vào mẫu “Thông báo khởi kiện” với nội dung nếu khách hàng không trả khoản nợ thì sẽ bị Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” khởi kiện tại Tòa án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và yêu cầu Tòa án buộc khách hàng phải trả khoản nợ. Điền thông tin xong nhân viên in ra đưa xuống Tổ Văn phòng đóng dấu chữ ký Giám đốc Hoàng Ngọc M, nhân viên gửi Thông báo khởi kiện này đến địa chỉ của khách hàng.

Đối với các trường hợp khách hàng không trả tiền nợ, không hợp tác, không làm theo sự hướng dẫn của nhân viên thì nhân viên tiếp tục gửi các văn bản trên đến địa chỉ của khách hàng và báo về Trưởng nhóm, T20 tiến hành đôn đốc và hướng dẫn nhân viên tìm kiếm thông tin gia đình, vợ con, công việc của khách hàng. Nhân viên sẽ dùng các phương pháp như vào trang web Bảo hiểm xã hội, tìm chủng covid hoặc xin hồ sơ vay bên ngân hàng,... (việc lấy mã đăng nhập các trang web hoặc xin hồ sơ bên ngân hàng đều thông qua T20) để lấy thông tin gia đình, người thân của khách hàng. Khi đã có thông tin, nhân viên tiến hành gọi điện thoại, nhắn tin liên tục cho gia đình, người thân của khách hàng yêu cầu gia đình, người thân đó phải nói khách hàng trả nợ, nếu không trả nợ thì khách hàng và gia đình sẽ bị khởi kiện, mục đích là để tạo ra áp lực làm khách hàng lo sợ và trả nợ khoản vay.

Ngoài ra, các nhân viên nhiều lần gửi “Đơn đề nghị xác minh công tác” đến

nơi làm việc của khách hàng (gửi trực tiếp, đích danh cấp trưởng hoặc trưởng bộ phận phụ trách công tác quản lý của nơi khách hàng làm việc) với nội dung thông báo khách hàng đang nợ tiền sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín của nơi khách hàng làm việc. Mục đích của việc gửi văn bản này là nhằm uy hiếp tinh thần, làm cho khách hàng lo sợ bị mất việc để đi trả nợ.

Quá trình điều tra xác định được 05 bị hại như sau:

1. Lê Văn K: Ngày 26/12/2019, anh K có vay của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V4 (V5) số tiền 100.000.000 đồng, ngày 21/7/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng và ngày 18/12/2019 vay thẻ tín dụng 10.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến năm 2020 anh K vẫn trả tiền vay bình thường cho ngân hàng V5. Tuy nhiên sau đó, do nhập viện và khó khăn tài chính nên anh K không tiếp tục trả được tiền vay cho ngân hàng V5, tổng tiền khoản vay anh K chưa thanh toán là 191.678.698 đồng tiền gốc và 123.047.616 đồng tiền lãi, phạt; tổng cộng: 314.726.314 đồng.

Trần Hà Anh T phân công Nguyễn Thị Huyền A thu hồi nợ của anh Lê Văn K. Từ tháng 4/2022, anh K nhận được nhiều cuộc gọi từ Huyền A với nội dung đe dọa, khủng bố ép buộc anh K phải thanh toán khoản vay của ngân hàng V5. Huyền A gọi điện thoại trực tiếp liên tục cho anh K quấy nhiễu, sau đó gửi các văn bản thông báo, thư cảnh báo, thông báo khởi kiện đến anh K, đến người thân trong gia đình anh K và gửi đơn đề nghị xác minh tình trạng công tác số 14285/C2/2022/CV-THT.HCM ngày 14/01/2023 do Nguyễn Thị Hương T6 có kiểm tra và ký nháy và Hoàng Ngọc M ký đơn có dấu mộc của Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” gửi đến Giám đốc Công ty TNHH D2 (BDC) địa chỉ số A đường T, khu phố C, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nơi anh K đang làm việc với mục đích gây áp lực làm cho anh K làm anh K lo sợ bị mất việc mà trả nợ cho Ngân hàng V5.

Hậu quả: anh K đã bị Công ty TNHH D2 (BDC) cho nghỉ việc (sau khi tố giác anh K đã được công ty nhận lại làm việc).

2. K’ Huệ: Chị H4 là giáo viên Trường tiểu học P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vào ngày 18/11/2017, chị H4 có vay của Ngân hàng M7 số tiền 80.000.000 đồng. Sau đó chị H4 đóng tiền hàng tháng theo hợp đồng vay đến khoảng tháng 7/2018 do gặp khó khăn tài chính nên chị H4 không đóng tiền theo hợp đồng vay.

Đến khoảng tháng 11/2021, Nguyễn Thị Huyền A nhiều lần điện thoại cho chị H4 yêu cầu trả nợ cho ngân hàng, sau đó Huyền A soạn thảo mẫu Thông báo nợ gửi đến Trường tiểu học P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nơi chị H4 đang làm

việc yêu cầu chị H4 thanh toán khoản nợ Ngân hàng M7 Lâm Đồng nói trên tổng số tiền 60.000.000 đồng (tính cả gốc và lãi + lãi phạt). Chị H4 gọi điện cho nhân viên tên Huyền A theo số điện thoại trong thông báo nợ của Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” thì Huyền A kết bạn zalo với chị H4 và Huyền A có yêu cầu chị H4 phải thanh toán khoản nợ 60.000.000 đồng. Chị H4 nhắn tin trình bày hoàn cảnh của chị H4 hiện đang khó khăn tài chính, không có khả năng thanh toán liền hết số tiền 60.000.000 đồng thì Huyền A nhắn tin sẽ hỗ trợ giảm lãi cho chị H4 nếu chị H4 thanh toán một phần số tiền gốc nhưng lúc đó chị H4 không có tiền nên chỉ trả góp hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 01/2022, chị H4 chậm trả nợ góp như trên nên Huyền A gửi Thông báo nợ của Chi nhánh Công ty L3 tại Thành phố Hồ Chí Minh có ký nháy của Nguyễn Thị Hương T6 đến Trường tiểu học P, huyện Đ, Lâm Đồng và liên lạc với anh Nguyễn Thế T21 là Hiệu trưởng nơi chị H4 làm việc với mục đích gây áp lực làm cho chị H4 lo sợ bị ảnh hưởng công việc để chị H4 trả khoản nợ ngân hàng M7 là số tiền 36.765.688 đồng. Huyền A điện thoại liên tục cho anh T21 yêu cầu anh T21 nhắc chị H4 thanh toán khoản nợ ngân hàng, số tiền yêu cầu phải trả nợ là 36.765.688 đồng. Nguyễn Thị H7 Trà biết Huyền A nhắn tin zalo và nhiều lần gọi điện cho chị H4 gây sức ép buộc chị H4 phải trả nợ.

Hậu quả: Chị K1 do lo sợ nên đã nộp trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng.

3. Trần Khánh V1: Chị V1 là giáo viên của Trường trung học cơ sở H13, Phường A, quận T, chị không vay tiền của bất kỳ cơ quan tổ chức nào. Tuy nhiên từ ngày 02/7/2022 chị V1 nhận được nhiều tin nhắn từ Trần Phát Đ với nội dung thông báo chị V1 đang nợ thẻ tín dụng ngân hàng V5 số tiền 100.000.000 đồng và đe dọa nếu không trả thì sẽ bị ảnh hưởng đến gia đình và công việc tại trường. Do không làm hồ sơ thẻ tín dụng nên chị V1 không đồng ý việc trả nợ. Sau đó, Trần Phát Đ soạn thảo Đơn đề nghị xác minh tình trạng công tác số 72999/C1/2022/VB-THT.HCM ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Công ty L3 Trẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh do Phạm Ngọc T13 ký nháy và Hoàng Ngọc M ký tên đóng dấu công ty gửi đến ông Tôn Thất Nhân H8 là Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở H13, với nội dung thông báo chị V1 nợ ngân hàng V5 và uy hiếp chị V1 nhanh chóng trả nợ để không ảnh hưởng đến danh tiếng của trường. Ông H8 đưa cho chị V1 Đơn đề nghị nói trên để chị V1 giải quyết. Đến ngày 17/8/2022, Đ1 tiếp tục soạn thảo Thông báo số 82445 đề nghị chị V1 thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 17/8/2022 là 125.000.000 đồng do M ký tên. Chị

V1 đến Chi nhánh Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” địa chỉ C P, Phường A, quận T để làm việc gặp Phạm Ngọc T13, T13 cũng yêu cầu chị V1 phải trả số tiền 100.000.000 đồng cho ngân hàng V5, chị V1 không đồng ý với buổi làm việc và đi về. Sau buổi làm việc này, chị V1 tiếp tục bị Đ1 điện thoại với nội dung đe dọa, xúc phạm chị V1.

Hậu quả: Chị V1 bị khủng hoảng tinh thần, có yêu cầu các bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị V1, chị V1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

4. Nguyễn Đào Anh M2: Anh M2 là dược sỹ Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 18/6/2019, anh M2 có mở thẻ tín dụng số 325-P-1046232 tại ngân hàng V5, anh M2 sử dụng thẻ tín dụng này đến khoảng tháng 5/2020 thì không còn sử dụng nữa nên anh M2 gọi điện thoại cho tổng đài V5 đề nghị khóa thẻ. Sau đó, anh M2 vứt bỏ thẻ tín dụng này. Đến đầu tháng 3/2020, anh M2 nhận được điện thoại của Lê Thị T3 yêu cầu anh M2 thanh toán số nợ tín dụng của anh M2 đối với ngân hàng V5 là 1.500.000 đồng, nếu không thanh toán sẽ gửi công văn đến nơi làm việc của anh M2 để đòi nợ. Đến ngày 17/03/2022, Lê Thị T3 soạn thảo Đơn đề nghị xác minh công tác số 33591/C2/2022/CV-THT.HCM ngày 15/3/2022 do Trần Hà A T ký nháy và Hoàng Ngọc M ký tên đóng dấu công ty gửi đến Phòng tổ chức cán bộ của Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố H đưa cho anh M2 01 Đơn đề nghị xác minh công tác số 33591/C2/2022/CV-THT.HCM ngày 15/3/2022 của Chi nhánh Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung yêu cầu Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố H cung cấp thông tin anh M2 cho Công ty luật “Thế Hệ T12” do anh M2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng V5, nhằm mục đích tạo áp lực, uy hiếp tinh thần anh M2 làm anh M2 bị ảnh hưởng công việc mà trả khoản nợ trên.

Hậu quả: Anh M2 do không muốn gặp thêm rắc rối nên đã nộp trả cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng.

5. Phan Hải B1: Anh B1 là nhân viên Bệnh viện N4. Vào ngày 26/7/2017, anh B1 có vay 150.000.000 đồng của Ngân hàng M8. Đến khoảng tháng 11/2022, anh còn nợ 45.194.822 đồng thì Lê Thị T3 tự xưng tên H9 gọi điện cho anh B1 đe dọa, uy hiếp tinh thần anh B1, yêu cầu anh B1 phải trả nợ. Ngoài ra, T22 còn điện thoại cho người thân, gia đình của anh B1 để tạo áp lực, uy hiếp tinh thần buộc anh B1 trả nợ. Sau đó, T22 soạn thảo Đơn đề nghị xác minh tình trạng công tác số 14955/C2/2023/TB-THT.HCM ngày 01/02/2023 và Thông báo khởi kiện của Chi nhánh Công ty luật “Thế Hệ Trẻ” tại Thành phố Hồ Chí Minh

do Trần Hà Anh T kiểm tra, ký nháy và Hoàng Ngọc M ký tên, đóng dấu công ty gửi đến Bệnh viện N4 (nơi anh B1 làm việc) với mục đích gây áp lực làm cho anh B1 lo sợ bị ảnh hưởng công việc, để anh B1 trả khoản nợ 45.194.822 đồng cho ngân hàng M8.

Hậu quả: Ảnh hưởng đến uy tín của anh B1 tại nơi làm việc.

Tổng số tiền mà các bị cáo Hoàng Ngọc M, Trần Phát Đ, Phạm Ngọc T13, Nguyễn Thị Huyền A, Trần Hà Anh T, Lê Thị T3, Nguyễn Thị Hương T6 đã có hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” đối với 05 bị hại là 483.459.822 đồng.

Tại Bản án số: 35/2024/HS-ST ngày 11-3-2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã Quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2023.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Hà Anh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T13 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2023.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H7 Trà 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền A 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Lê Thị T3 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2023.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Phát Đ 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2023.

Ngoài ra Bản án còn về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 21/3/2024, bị cáo Nguyễn Thị Huyền A có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Huyền A bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 26/3/2024, bị cáo Trần Hà Anh T có đơn kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hà Anh T thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị Huyền A giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Đồng thời, bị cáo Anh T23 thừa nhận hành vi giúp sức cho Hoàng Ngọc M thực hiện hành vi đòi nợ để ép buộc các bị hại trả nợ cho ngân hàng như bản án sơ thẩm đã nêu. Riêng bị cáo Huyền A đề nghị xem xét, bị cáo chỉ soạn thảo công văn xác minh công tác với bị hại Lê Đức K2, bị cáo không làm việc trực tiếp với ông K2, không gọi điện, nhắn tin đe dọa gây sức ép để buộc ông K2 trả nợ.

Bị án Hoàng Ngọc M trình bày: Các biểu mẫu văn bản thông báo nợ, thư cảnh báo, thông báo khởi kiện, công văn xác minh công tác gửi đến nơi ở và nơi làm việc của người vay do hội sở Công ty luật Thế Hệ Trẻ tại Hà Nội ban hành. Các biện pháp thu hồi nợ mà nhân viên đã thực hiện với khách hàng được nhập vào file excel của chi nhánh Thành phố H, gửi ra hội sở Công ty để chuyển cho các ngân hàng nên ngân hàng biết rõ các biện pháp thu hồi nợ mà Công ty luật Thế Hệ Trẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng với khách hàng.

Bị án Lê Thị T3 khai nhận: Bị cáo là người trực tiếp thu hồi nợ của khách hàng Ngô B2. Bị cáo đã thực hiện hành vi nhắn tin, gọi điện, cắt ghép hình ảnh ông Ngô B2, đăng trên mạng xã hội để khủng bố tinh thần, ép buộc bị hại Ngô B2 trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mặc dù, bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”, “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo nhưng mức hình phạt đã tuyên là phù hợp nên không thuộc trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm. Các bị cáo Trần Hà Anh T, Nguyễn Thị Huyền A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không

cung cấp được tình tiết nào mới để cấp phúc thẩm xem xét. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư ông Đặng Trường T9 bào chữa cho bị cáo Trần Hà Anh T trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt. Tuy nhiên, mức án là nghiêm khắc. Bởi, các bị hại thực tế có nợ ngân hàng, chây ì không trả nợ nên có yếu tố lỗi của bị hại. Việc Công ty L3 thực hiện đòi nợ cho ngân hàng theo văn bản ủy quyền là hợp pháp, quá trình thực hiện đòi nợ bị cáo thực hiện đúng như quy trình mà công ty đã ban hành, bản thân bị cáo là người làm công, ăn lương, hợp đồng lao động không phân định rõ công việc cụ thể nên các bị cáo không có nhận thức chiếm đoạt tài sản từ bị hại, bị cáo phạm tội mang tính lệ thuộc, chỉ đồng phạm giản đơn, cũng như cần làm rõ vai trò của Công ty L3 Trẻ, của các Ngân hàng trong vụ án. Mặt khác, cấp sơ thẩm có sai sót trong việc chưa xác định rõ các bị hại khác như hội đồng xét xử đã thẩm vấn tại phiên tòa phúc thẩm. Về vai trò của bị cáo trong vụ án, chỉ thực hiện ký nháy theo nhiệm vụ phân công, công việc chủ yếu là liên hệ với Ngân hàng để giảm lãi cho khách hàng. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội nuôi con nhỏ.

Luật sư Đặng Thị Bích N1 đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư đồng nghiệp, không tham gia bào chữa, tranh luận.

Bị cáo Trần Hà Anh T bào chữa bổ sung: Khi bị cáo vào công ty làm việc thì quy trình thu hồi nợ đã có sẵn từ trước nên bị cáo làm theo và bị cáo nhận thức hành vi của mình là đúng luật mà không biết mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra. Bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi con nhỏ.

Luật sư Dương Anh Đ2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Huyền A trình bày: Bị cáo giữ vai trò là nhân viên thu hồi nợ, có trình độ cao đẳng kế toán, không am hiểu về pháp luật, thực hiện hồ sơ theo phân công từ cấp trên là trưởng phòng, trưởng nhóm thu hồi nợ. Về cách thức, quy trình thu hồi nợ đã có từ trước, văn bản đã có sẵn từ hội sở công ty tại Hà Nội, đã soạn sẵn theo biểu mẫu. Bị hại ông K2 đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thời điểm thực hiện hồ sơ của ông K2 bị cáo đang mang thai nên việc gọi điện, đe dọa bị hại là quá sức với bị cáo. Hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi dưỡng 02 con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền A đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Đối với bị cáo Trần Hà Anh T17, Nguyễn Thị Huyền A đã thực hiện hành vi gửi tin nhắn, gọi điện, gửi văn bản xác minh công tác đến gia đình, nơi làm việc làm giảm uy tín của các bị hại nên các bị cáo là người giữ vai trò thực hành chính. Về tình tiết bị hại K2 có đơn đề

ngiht giảm nhẹ hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo Huyền A khi quyết định. Do mức hình phạt của cấp sơ thẩm đối với các bị cáo đã phù hợp nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

Luật sư Đặng Trường T9 tranh luận: Bị cáo Trần Hà Anh T không trực tiếp gọi điện, nhắn tin, gửi văn bản đối với bất kỳ bị hại nào trong vụ án. Bị cáo ký nháy các văn bản xác minh theo quy trình công ty, bị cáo T có nhiệm vụ như một người kế toán của chi nhánh công ty G1 với bà M4 tại hội sở công ty ở Hà Nội nhưng bà M4 không bị xử lý trong vụ án này. Việc cáo trạng và bản án sơ thẩm thể hiện việc bị cáo T làm việc với các bị hại là không phù hợp với nội dung khách quan của vụ án.

Luật sư Đặng Anh Đ3 bảo lưu quan điểm bị cáo Huyền A3 không phải người gọi điện đe dọa bị hại K2. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông K2 có làm việc với bị cáo Huyền A và xác định Huyền A không phải là người gọi điện thoại đe dọa, gây áp lực về tinh thần với ông K2.

Kết thúc phần tranh luận, các bên đều bảo lưu quan điểm bào chữa như đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để tiếp tục đi làm nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Hà Anh T và Nguyễn Thị Huyền A về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm. Trong vụ án này, ngoài xem xét kháng cáo của các bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm còn xem xét những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 345; Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Từ khoảng tháng 12/2020, Công ty L3 (Công ty L3) do Hoàng Ngọc M làm Giám đốc điều hành, bắt đầu thực hiện dịch vụ thu hồi nợ quá hạn cho 06 pháp nhân, gồm: Ngân hàng TMCP V4, Ngân hàng TMCP Đ6, Ngân hàng TMCP B3, Ngân hàng TMCP H12 và Công ty TNHH C4. Mặc dù, phạm vi ủy quyền chỉ cho phép Công ty L3 Trẻ tiếp xúc, đàm phán, thương lượng với khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán để yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định của pháp luật, nhưng Hoàng Ngọc M vẫn ban hành quy trình thu hồi nợ gồm 05 bước, soạn thảo các mẫu văn bản riêng như thông báo nợ, thư cảnh báo, thông báo khởi kiện, công văn xác minh công tác gửi đến

nơi ở và nơi làm việc của người vay nhằm mục đích gập áp lực về tinh thần để buộc người vay phải trả nợ. Trường hợp người vay không trả nợ hoặc không hợp tác thì M chỉ đạo Trần Hà Anh T để T chỉ đạo các trưởng nhóm cùng các nhân viên nhóm thu hồi nợ tìm kiếm thông tin gia đình, vợ con, công việc của người vay rồi liên tục gọi điện thoại, nhắn tin quấy rối yêu cầu những người này tác động người vay trả nợ. Đồng thời, gửi văn bản có nội dung xác định người nợ tiền của ngân hàng đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đến nơi ở, nơi làm việc của người vay để khủng bố tinh thần, ép buộc người vay trả nợ.

[3.2] Bằng phương thức, thủ đoạn và hành vi nêu trên, từ tháng 12/2020 đến thời điểm bị phát hiện, ngăn chặn, Hoàng Văn M cùng Trần Hà Anh T, Phan Ngọc T24, Nguyễn Thị Hương T6, Nguyễn Thị Huyền A, Trần Phát Đ và Lê Thị T3 đã ép buộc 05 bị hại, gồm Lê Văn K, K1, Trần Khánh V1, Nguyễn Đào Anh M2 và Phan Hải B1 trả nợ trái ý muốn của họ với tổng số tiền nhằm cưỡng đoạt là 483.460.510 đồng. Hậu quả làm bị hại K bị Công ty cho thôi việc, bị hại K’Huê trả nợ trái ý muốn cho Ngân hàng MSB số tiền 10.000.000 đồng, bị hại M2 nộp lại trái ý muốn cho Ngân hàng V6 số tiền 1.500.000 đồng.

[3.3] Bản án sơ thẩm số: 35/2024/HS-ST ngày 11-3-2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Hoàng Văn M, Trần Hà Anh T, Phan Ngọc T24, Nguyễn Thị Hương T6, Nguyễn Thị Huyền A, Trần Phát Đ và Lê Thị T3 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến sức khỏe, uy tín, danh dự của bị hại; gây mất trật tự, trị an xã hội. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ, hiểu biết và nhận thức nhất định về pháp luật nhưng vì tư lợi mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà các bị cáo thực hiện. Đồng thời khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét đến vai trò đồng phạm, các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

[4.2] Về vai trò đồng phạm:

[4.2.1] Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Văn M là người chủ mưu, cầm đầu, khởi xướng và điều hành hoạt động đòi nợ thuê dưới danh nghĩa công ty luật nhận ủy quyền hỗ trợ pháp lý từ các tổ chức tín dụng và pháp nhân khác, thành lập các phòng ban, nhóm thu hồi nợ, ban hành quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ đòi nợ, quy định mức lương, thưởng cụ thể theo hạn mức thu hồi nợ để tạo động lực cho các bị cáo khác và nhân viên tích cực thực hiện hành vi đòi nợ thuê, cưỡng đoạt tài sản nên Hoàng Văn M giữ vai trò đồng phạm cao nhất.

[4.2.2] Bị cáo Trần Hà Anh T là trưởng phòng thu hồi nợ, giữ nhiệm vụ quản lý 03 nhóm thu hồi nợ, phân công hồ sơ người vay, chỉ tiêu cho từng nhân viên các nhóm, nhắc nhở các trưởng nhóm đốc công việc của nhân viên trong nhóm để đạt được các chỉ tiêu nhằm thu hồi nợ, từ đó hưởng tỷ lệ thương cao hơn. Đồng thời, T là người triển khai văn bản “Một số lưu ý khi triển khai tác nghiệp” hướng dẫn nhân viên cách thức nghiên cứu hồ sơ người vay, gây sức ép, tạo áp lực, hăm dọa buộc người vay trả nợ. Ngoài ra, thời điểm được phân công làm trưởng nhóm thu hồi nợ 2, T là người ký nháy văn bản, đồng ý và theo dõi kết quả xác minh tình trạng công tác của bị hại M2 và B1. Do đó, bị cáo T giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Hoàng Ngọc M thực hiện tội phạm.

[4.2.3] Các bị cáo Phan Ngọc T24, Nguyễn Thị Hương T6 là trưởng nhóm đòi nợ, giữ nhiệm vụ hướng dẫn, quản lý các nhân viên dưới quyền thực hiện nhiệm vụ thu hồi nợ. Đồng thời, T24 và T6 là người ký nháy, đồng ý và theo dõi kết quả xác minh tình trạng công tác của bị hại K, K1 và V1. Do đó, các bị cáo T24, T6 giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho Hoàng Ngọc M thực hiện tội phạm.

[4.2.4] Các bị cáo Nguyễn Thị Huyền A, Trần Phát Đ4, Lê Thị T3 là nhân viên thu hồi nợ, giữ nhiệm vụ liên hệ trực tiếp với bị hại, người thân của bị hại để yêu cầu bị hại trả nợ, soạn thảo các văn bản xác minh tình hình công tác, đơn đề nghị, thông báo khởi kiện gửi đến nơi ở, nơi làm việc của bị hại để uy hiếp tinh thần, ép buộc bị hại trả nợ trái ý muốn cho ngân hàng nên các bị cáo Huyền A, Trần Phát Đ, Lê Thị T3 là người thực hành, có vai trò giúp sức cho Hoàng Ngọc M thực hiện tội phạm.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng.

[4.3.1] Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo hoạt động theo hình thức pháp nhân, có tổ chức phòng ban, phân chia vai trò, nhiệm vụ cụ thể, quy trình đòi nợ được triển khai, đào tạo xuyên suốt từ các vị trí quản lý đến nhân viên thu hồi nợ, qua đó thể hiện sự cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm khi cùng thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.3.2] Các bị cáo Hoàng Ngọc M, Trần Hà Anh T thực hiện hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” với 05 bị hại, bị cáo Nguyễn Thị Huyền A, Lê Thị T3 thực hiện hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” với 02 bị hại (Huyền A cưỡng đoạt tài sản của bị hại K, K1; T22 cưỡng đoạt tài sản của bị hại M2, B1) nên thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên” nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.4] Về tình tiết giảm nhẹ:

[4.4.1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho bị hại Trần Khánh V1 số tiền 30.000.000 đồng và bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.4.2] Bị cáo Trần Hà Anh T có phạm tội trong thời gian mang thai nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.4.3] Bị cáo Hoàng Ngọc M là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền Ủy ban nhân dân phường T, quận C, Hà Nội; có ông nội Nguyễn L1 tham gia hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa 19/8/1945, được hưởng chế độ theo quyết định số 1303/-QĐ/TU ngày 13/6/2014 của tỉnh ủy H14, cậu ruột ông Nguyễn Thanh V3 là liệt sỹ được Tổ quốc ghi công, cậu ruột Nguyễn Phúc H10 là thương binh hạng 4/4; bị cáo Lê Thị T3 là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; bị cáo Nguyễn Thị Hương T6 có đóng góp trong thời gian phòng chống dịch Covid 19 có xác nhận của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và có ông nội Nguyễn Văn H11, bà nội Nguyễn Thị Đ5 là người có công cách mạng, được Nhà nước trao tặng Huân chương Kháng chiến Hạng 3 nên các Hoàng Ngọc M6, T22 và T6 được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.4.4] Đối với tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” cần được hiểu là người phạm tội có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác với tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp các cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra đã được xem xét áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên không đủ cơ sở để áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[4.4.5] Các bị cáo Nguyễn Thị Hương T6, Nguyễn Thị Huyền A mang thai trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.5] Về nhân thân: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu nên được xem xét là người phạm tội có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[5.1] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, áp dụng không đúng quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó dẫn đến việc áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cho các bị cáo không đảm bảo nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, mức hình phạt đã tuyên đối với từng bị cáo chưa thể hiện rõ sự phân hóa tính chất và vai trò đồng phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Ngoài ra, hồ sơ vụ án có thể hiện ông Ngô B2, bà Ngô Thị L2 có đến Cơ quan Điều tra để trình báo sự việc bị nhân viên Lê Thị T3 và Lê Thị Kiều Q2 có hành vi cưỡng đoạt tài sản. Đặc biệt, ông Ngô B2 còn cung cấp thông tin, tài liệu bị cắt ghép hình ảnh vu khống ông B2 lừa đảo chiếm đoạt tài sản và dữ liệu tin nhắn ứng dụng Zalo bị khủng bố tinh thần nhưng bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình xác định quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định T22 và Q2 có hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý và xác định ông B2, bà L2 là bị hại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại không trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của Điều 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để yêu cầu Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát làm rõ. Từ đó dẫn đến việc cấp sơ thẩm không xác định ông B2, bà L2 là bị hại của vụ án theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông B2 và bà L2, cũng như chưa làm rõ trách nhiệm liên quan của nhân viên trực tiếp thu hồi nợ của ông Ngô B2, bà L2 là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

[5.3] Mặt khác, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo Hoàng Ngọc M đã nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính 1.165.000 đồng nhưng tại phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm không thể hiện việc xử lý đối với khoản tiền trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[5.4] Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định tại khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại nên không xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Trần Hà Anh T và Nguyễn Thị Huyền A.

[6] Các bị cáo Trần Hà Anh T, Nguyễn Thị Huyền A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2024/HS-ST ngày 11-3-2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp điều tra lại vụ án theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Hoàng Ngọc M, Trần Phát Đ, Lê Thị T3, Phạm Ngọc T13 đến khi Viện kiểm sát cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Trần Hà Anh T, Nguyễn Thị Huyền A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Tân Bình; (2)
- P.V06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (6)
- Người tham gia tố tụng khác (5)
- THADS quận Tân Bình; (1)
- TAND quận Tân Bình; (2)
- Công an quận Tân Bình; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (30) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang